

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 342/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 12-4-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Hoàng Anh

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 191/2021/QĐDS-PT ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: C14/18 A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q, sinh năm 1981.

Địa chỉ: D1/26C Ấp 4, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2019, vợ chồng đã sống riêng, không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Tiến D, sinh ngày 01/3/2010 và Nguyễn Ngọc Hải M, sinh ngày 22/7/2013, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

* Bị đơn ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Cẩm T về quá trình chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, cũng có vài lần xảy ra xô xát và chỉ mới ly thân khoảng 03 tháng nay. Đối với yêu cầu của bà T, ông không đồng ý ly hôn vì ông còn yêu thương vợ con, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông đoàn tụ. Vì không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại Bản án sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 07/01/2021, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q (bà T và ông Q đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/11/2008)

Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Tiến D, giới tính nam, sinh ngày 01/3/2010 và Nguyễn Ngọc Hải M, giới tính nữ, sinh ngày 22/7/2013 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Q có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Bà T và ông Q tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không đặt ra để giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông Q xác định không có nên Tòa không đặt ra để giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/01/2021, ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý ly hôn với lý do vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, ông còn thương yêu vợ con nên mong muốn gia đình đoàn tụ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q và bà Nguyễn Thị Cẩm T thiếu sự quan tâm, chăm sóc nhau trong đời sống và công việc. Cả hai đã sống riêng một thời gian nhưng không cải thiện được tình cảm vợ chồng, qua đó cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, án sơ thẩm xử cho ly hôn là có căn cứ. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo không đồng ý ly hôn, các nội dung khác không có đương sự nào kháng cáo. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét.

[2] Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 240 ngày 17/11/2008 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q là hợp pháp, có hai con chung tên Nguyễn Tiến D, sinh ngày 01/3/2010 và Nguyễn Ngọc Hải M, sinh ngày 22/7/2013.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn phát sinh vì bà Nguyễn Thị Cẩm T cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hiện tại không còn tình cảm. Ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, có xảy ra xô xát, nhưng ông còn thương yêu vợ con.

Hội đồng xét xử thấy rằng cả hai đã khai thống nhất về nguyên nhân xung đột gia đình và thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật, hiện tại cuộc sống chung không hạnh phúc. Và dù đã biết mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ đâu nhưng cả ông Q và bà T đều không có biện pháp khắc phục. Qua đó cho thấy vợ chồng không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình, trong cuộc sống chung thiếu sự quan tâm chia sẻ. Mặt khác, như lời ông Q khai, mâu thuẫn tuy không trầm trọng nhưng kéo dài và không khắc phục được đã làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, diễn biến cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Q kháng cáo không muốn ly hôn nhưng không nêu ra được biện pháp khắc phục mâu thuẫn để cải thiện tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nhận thấy án sơ thẩm xử cho ly hôn là có cơ sở.

[3.2] Về con chung: Ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q đồng ý giao hai con chung tên Nguyễn Tiến D, sinh ngày 01/3/2010 và Nguyễn Ngọc Hải M, sinh ngày 22/7/2013 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q cấp dưỡng nuôi con.

Từ những nhận định trên, nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q, nghĩ cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Tiến D, sinh ngày 01/3/2010 và Nguyễn Ngọc Hải M, sinh ngày 22/7/2013 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi có căn cứ, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm T chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0079642 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0080867 ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông Nguyễn Trần Ngọc Bảo Q đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Tòa án nhân dân H.C;
- Chi cục THADS H.C;
- UBND Phường A, Quận B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Uyên